

Bản án số: 653/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2020.

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Bé.

2/ Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần T. H, sinh năm: 1990. (có mặt)

Địa chỉ: số 1085 Nguyễn Văn Khạ, ấp 2, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Lê Q. T, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Nguyễn Thị Hải, ấp Tiền, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 13/12/2019, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thúy H trình bày:

Bà và ông T tìm hiểu khoảng 02 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, cưới nhau năm 2014, có tổ chức cưới, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới hai vợ chồng thuê phòng trọ ở xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh sống, chung sống hạnh phúc thời gian khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Trí không có trách nhiệm với gia đình, không chia sẻ, đồng cảm, bất đồng quan điểm sống,...nên thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng không sống chung khoảng hơn 01 năm. Nay, Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quốc T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Anh P, sinh ngày: 17/7/2017, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Bản sao giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Quốc T trình bày:

Hai vợ chồng kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn, tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng thuê nhà sống tại xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, mâu thuẫn xảy từ năm 2018, nguyên nhân do không cùng chung quan điểm, nguyện vọng là ly hôn. Về con chung có 01 con chung tên Lê Anh P, sinh ngày: 17/7/2017, ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: Bà H vẫn giữ nguyên nội dung như đã trình bày. Bà xin rút lại yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con lại, bà không yêu cầu nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến Tòa án và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thúy H và ông Lê Quốc T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51/2017 ngày 29/5/2017 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông Trí nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T không có trách nhiệm với gia đình, không chia sẻ, đồng cảm và ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Hằng và ông Trí về việc ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà Trần Thúy H và ông Lê Quốc T có 01 con chung tên Lê Anh P, sinh ngày: 17/7/2017. Bà H và ông T đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Sau khi xem xét tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến nội dung vụ án tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Trẻ Lê Anh P còn quá nhỏ; Hiện trẻ P đang sống cùng bà H và bà H có thu nhập ổn định, xét về điều kiện thì bà H có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là trẻ Lê Anh P, sinh ngày: 17/7/2017 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hằng là không yêu cầu ông Trí cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thúy H và ông Lê Quốc T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thúy H và ông Lê Quốc T cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà Hằng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thúy Hằng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thúy H được ly hôn với ông Lê Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2017 ngày 29/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà H và ông T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Anh P, sinh ngày: 17/7/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H là không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Trần Thúy H phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0083373 ngày 21/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà Hằng đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương